

Số: 264 /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2024

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU NĂM 2023

Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong năm 2023 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, công tác triển khai các đề án, dự án, kế hoạch về công nghệ thông tin (CNTT), đảm bảo nguồn nhân lực, tổ chức triển khai, đào tạo, tuyên truyền phổ biến,... tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Hiệu quả công tác quản lý nhà nước được nâng cao, môi trường làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được phát triển theo hướng hiện đại. Nguồn nhân lực CNTT từng bước đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh. Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được cải thiện, mức độ hài lòng của người dân ngày một tăng cao. Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh từng bước được hình thành, phù hợp với bối cảnh phát triển của tỉnh và định hướng phát triển của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện các mục tiêu đã đề ra, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện chuyển đổi số; xây dựng phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và Đô thị thông minh đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, dữ liệu số; các hệ thống thông tin, phần mềm, dịch vụ số dùng chung của tỉnh được đầu tư, phát triển hiện đại, đồng bộ từ các cơ quan cấp tỉnh đến cấp xã đảm bảo phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc và phục vụ tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trên môi trường điện tử. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số; công tác đào tạo, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật, kỹ năng số cho các cơ quan, đơn vị, người dân được triển khai có hiệu quả.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Thực hiện Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia, tỉnh Tuyên Quang đã lựa chọn Ngày

Chuyển đổi số của tỉnh trùng với Ngày Chuyển đổi số quốc gia (ngày 10 tháng 10 hằng năm)¹.

Ngày 07/9/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 208/KH-UBND về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Ngày 06/10/2023, tỉnh đã tổ chức hội nghị hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2023 với thông điệp "*Khai thác dữ liệu số để tạo ra giá trị*"; tổ chức tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử, các nền tảng mạng xã hội; treo băng rôn, khẩu hiệu tại trụ sở cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức các hoạt động thiết thực chào mừng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia...

b) Tồn tại, hạn chế:

Hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số đã được triển khai phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, tuy nhiên các hoạt động chủ yếu tập chung tại khu vực trung tâm thành phố và các huyện.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Thường xuyên đăng tải, chia sẻ các thông tin, tin, bài viết về chuyển đổi số trên chuyên trang về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang tại địa chỉ: <http://chuyendoiso.tuyenquang.gov.vn/> với tần suất cập nhật 01 lần/tuần. Trang hiện có 382.599 lượt người truy cập để theo dõi các thông tin về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh và cả nước.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số cơ quan, đơn vị chưa xác định nhiệm vụ chuyển đổi số cần ưu tiên giải quyết; việc chia sẻ các sáng kiến, cách làm hay về chuyển đổi số vẫn thực hiện theo cách thức truyền thống là kết hợp với các hội nghị, cuộc họp của cơ quan, đơn vị.

1.3. Truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Công tác truyền thông về chuyển đổi số được các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh qua nhiều hình thức, như: Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử; Đài Phát thanh và Truyền hình; Trạm truyền thanh cơ sở; mạng xã hội;... với các nội dung chuyên đề gắn với chủ đề năm Dữ liệu số quốc gia 2023, các vấn đề trọng tâm, tiêu biểu trong chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh và trên cả nước.

Trang ZaloOA “Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang” hiện có 4.350 lượt người quan tâm, theo dõi.

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tiếp tục duy trì phát sóng trên 1.050 lượt tin, bài, phóng sự tuyên truyền về tình hình, kết quả triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh (bằng 5 thứ tiếng Việt, Tày, Dao, Cao Lan, Mông) trên sóng phát thanh, truyền hình và Trang Thông tin điện tử tổng hợp.

Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang đăng tải khoảng 130 tin, bài viết; Báo Tuyên Quang online đã đăng tải khoảng 60 tin, bài viết liên quan tới chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền về việc phát động cuộc thi “Dữ liệu số với cuộc

¹ Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh về Ngày Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang.

sống - Digital Data for life” nhằm thu hút sự quan tâm của cộng đồng.

Hệ thống truyền thanh cơ sở của 07/07 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển các chuyên mục riêng về chuyển đổi số với đảm bảo tần suất phát sóng 01 lần/tuần để tuyên truyền các nội dung về chuyển đổi số tới người dân trên địa bàn trong năm 2023 với khoảng 332 lượt phát sóng.

b) Tồn tại, hạn chế:

Nhiều người dân chưa có điện thoại thông minh, việc tiếp cận các thông tin tuyên truyền qua các nền tảng số còn khó khăn; kỹ năng số của người dân chưa cao, đặc biệt là người dân ở các xã vùng sâu, vùng xa.

2. Thẻ chế số

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch của chính quyền về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Nhằm đổi mới căn bản, toàn diện công tác chỉ đạo, điều hành, vận hành hệ thống quản lý nhà nước và xã hội, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, giúp các ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp và người dân triển khai hoạt động, quản lý, sản xuất, kinh doanh, sử dụng dịch vụ số đạt hiệu quả cao. Duy trì và từng bước nâng thứ hạng của Tuyên Quang trên bảng xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI); phấn đấu đến năm 2025 Tuyên Quang là một trong những tỉnh xếp hạng khá, đến năm 2030 là tỉnh nằm trong nhóm dẫn đầu khu vực miền núi phía Bắc. Ngày 15/11/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Ngày 12/4/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 55/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TU; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 17/01/2023 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 55/KH-UBND; Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 09/12/2023 về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2023 để làm căn cứ triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể về chuyển đổi số tại địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế:

Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số hàng năm của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn mang tính khái quát, chung chung, thiếu chi tiết, chưa xác định rõ mục tiêu thực hiện cụ thể cũng như trách nhiệm, nhiệm vụ và nguồn lực triển khai.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023

a) Kết quả đạt được:

Ngày 31/3/2023, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ về Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh năm 2023, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang được kiện toàn với 38 thành viên (trong đó, Trưởng Ban Chỉ đạo là đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh với 47 thành viên. Định kỳ mỗi quý Ban Chỉ đạo tổ chức họp để đánh giá kết quả công tác chuyển đổi số của

tỉnh và chỉ đạo, điều phối các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu của Nghị quyết, Đề án về chuyển đổi số của tỉnh.

Theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023 tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS ngày 04/4/2023, tỉnh Tuyên Quang được giao triển khai 01 nhiệm vụ: “*Tiên phong trong việc tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai các nền tảng số phục vụ du lịch, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch; tổ chức sơ kết, đánh giá trước tháng 9/2023*”.

Đến nay, tỉnh Tuyên Quang đã triển khai sử dụng nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch cung cấp dịch vụ quản trị, thống kê, báo cáo theo thời gian thực về các sản phẩm và dịch vụ du lịch, du khách, các cơ sở lưu trú trên Cổng thông tin du lịch tại địa chỉ “Mytuyenquang.vn” và ứng dụng du lịch trên thiết bị di động APP có tên “Tuyen Quang tourism”. Hiện nay, trên Cổng Du lịch thông minh và ứng dụng *Tuyen Quang tourism* đã có CSDL về du lịch của tỉnh, như: Camera 360 với 18 điểm; cơ sở Lưu trú (267 cơ sở); ẩm thực (135 cơ sở); địa điểm du lịch (85 điểm); mua sắm (47 điểm); giải trí (133 điểm); lịch trình (mẫu) với 13 lịch trình; dịch vụ tiện ích (08 dịch vụ);...

b) Tồn tại, hạn chế:

Trong năm 2023, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh chưa kịp thời kiện toàn; vì vậy công tác tham mưu triển khai các nhiệm vụ còn chậm.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

Đến nay, 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã có mạng nội bộ (LAN); 100% cán bộ, công chức có máy tính kết nối Internet phục vụ công tác; mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn kết nối các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số, mạng đã kết nối đến 100% cấp huyện, 100% cấp xã.

Có 05 doanh nghiệp hoạt động về viễn thông và internet trên địa bàn tỉnh. Đến hết tháng 11/2023, toàn tỉnh có 1.332 vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng BTS, (01 vị trí lắp đặt nhiều loại trạm 2G, 3G, 4G), đảm bảo các thôn, tổ nhân dân được phủ sóng điện thoại di động, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

Thực hiện mục tiêu trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về phổ cập mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh đến từng người dân Việt Nam. Hiện nay, Viettel Tuyên Quang đang triển khai thử nghiệm 5G tại thành phố Tuyên Quang (04 trạm) và huyện Chiêm Hoá (01 trạm). Hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông khác đã sẵn sàng đáp ứng cho việc triển khai mạng 5G trong thời gian tới.

Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Tuyên Quang có 169 điểm cầu đã kết nối thông suốt từ trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phục vụ công tác chỉ đạo điều hành. Đến tháng 11/2023, khoảng 135 cuộc họp được tổ chức trực tuyến từ trung ương hoặc từ tỉnh đến xã qua Hệ thống truyền hình trực tuyến của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành các cấp (không thống kê các cuộc họp từ

trung ương, các Bộ, ngành tới các sở; từ các huyện tới các xã).

Tỉnh đã có Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

Hiện nay, tỉnh Tuyên Quang đang tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ: *Triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang; Nâng cấp hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; ...* Đảm bảo cung cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho triển khai các hệ thống thông tin của tỉnh, đẩy nhanh tiến độ công tác cải cách hành chính, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số của tỉnh.

b) Tôn tại, hạn chế:

- Kinh phí đầu tư cho hạ tầng phụ thuộc điều kiện thực tế của địa phương, theo kế hoạch và lộ trình giai đoạn, chưa đáp ứng nhu cầu để triển khai thực hiện chuyển đổi số một cách đồng bộ.

- Do địa hình nhiều đồi núi cao, dân cư thưa, có một số khu vực doanh nghiệp viễn thông chưa đủ điều kiện đầu tư hạ tầng, nên việc nâng cao chất lượng phủ sóng và ngầm hoá hệ thống đường truyền Internet cáp quang trên địa bàn tỉnh còn thấp. Ở một số xã vùng sâu, vùng xa, hệ thống hạ tầng phục vụ chuyển đổi số như: Điện lưới, điện thoại thông minh, máy tính,... chưa đầy đủ, tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh còn ít.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

Tuyên Quang đã ban hành: Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang, gồm có 44 cơ sở dữ liệu (Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh); danh mục dữ liệu mở và kế hoạch triển khai cung cấp dữ liệu mở tỉnh Tuyên Quang (gồm 17 dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2022). Đây là cơ sở để kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh và cung cấp dữ liệu mở của chính quyền tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ứng dụng Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang (App Tuyên Quang ID) đã được đưa vào sử dụng trên phạm vi toàn tỉnh, nhằm nâng cao năng lực hoạt động, cung cấp dịch vụ nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh đối với công dân, doanh nghiệp; thiết lập kênh tương tác đa chiều giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp một cách kịp thời, hiệu quả;...

Tỉnh đã hoàn thành Nâng cấp Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP). Đến thời điểm hiện tại đã thực hiện kết nối 18 dịch vụ dữ liệu² trên Nền

² **Gồm:** CSDL quốc gia về Dân cư (Bộ Công an); CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (Bộ Nội vụ); Hệ thống định danh và xác thực điện tử (Bộ Công an); CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); CSDL quốc gia về Giá (Bộ Tài chính); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Cổng Dịch vụ công của Bộ Xây dựng; Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; Hệ thống mã bưu chính Vpostcode (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam); Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); 08 cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và các bộ ngành.

tăng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và Nền tảng trao đổi dữ liệu quốc gia (VDXP) qua nền tảng LGSP của tỉnh (trong đó có 08/08 cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu dùng chung³). Các cơ quan, đơn vị đang khai thác, sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ tại địa phương. Ngoài ra, tỉnh đã *nâng cấp nền tảng e-mail công vụ chung cho tỉnh Tuyên Quang, ứng dụng từ cấp tỉnh đến cấp xã; xây dựng Phần mềm số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang; nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang; xây dựng “Kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang”*.

Bên cạnh đó, tỉnh đang tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, như: *Xây dựng Cổng cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang; “Xây dựng Nền tảng phần mềm và kho dữ liệu chuyên ngành cấp huyện, thành phố, kết nối vào kho dữ liệu dùng chung và các kho dữ liệu chuyên ngành tỉnh Tuyên Quang”*;... góp phần phát triển dữ liệu số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Một số phần mềm ứng dụng và tạo lập CSDL của các ngành được đầu tư, nhưng chưa được đánh giá tính hiệu quả và CSDL còn nằm rải rác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương không tập trung, hạn chế việc liên kết, chia sẻ được với nhau.

- Nhận thức về dữ liệu và tổ chức, khai thác dữ liệu còn hạn chế; lúng túng trong việc xác định mô hình tổ chức các CSDL dùng chung toàn tỉnh.

5. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được:

Trong năm 2023, các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã tiếp tục sử dụng có hiệu quả các nền tảng số của tỉnh, như: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); nền tảng Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; nền tảng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; nền tảng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; nền tảng Hệ thống thư điện tử công vụ; nền tảng Phần mềm gửi nhận tài liệu và quản lý họp của Ủy ban nhân dân tỉnh; nền tảng theo dõi nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; nền tảng Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang (APP Tuyên Quang ID) dùng trên thiết bị di động;... góp phần phát triển dữ liệu số trong xây dựng chính quyền số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị tiếp tục sử dụng, ứng dụng các nền tảng số khác trong công tác quản lý, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn do các Bộ, ngành trung ương triển khai.

³ **Gồm:** (1) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang; (2) Hệ thống Lý lịch tư pháp của Bộ Tư pháp; (3) Hệ thống Quản lý Hộ tịch của Bộ Tư pháp; (4) Hệ thống Quản lý vận tải của Sở Giao thông vận tải; (5) Hệ thống Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); (6) Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; (7) Đăng ký doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư; (8) Cấp mã số cho các đơn vị quan có hệ với ngân sách của Sở Tài chính.

b) Tôn tại, hạn chế:

- Triển khai các nền tảng số trong chuyển đổi số là cách tiếp cận mới, khác với việc triển khai các hệ thống thông tin trước đây nên nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh còn lúng túng trong triển khai.

- Các nền tảng số quốc gia do các bộ, ngành ở Trung ương chủ trì triển khai còn chậm trong khi thiếu những quy định, hướng dẫn về kiến trúc, mô hình tổng thể, yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật của các nền tảng số quốc gia, nên việc triển khai sử dụng nền tảng số trên địa bàn tỉnh chưa đạt được mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được:

Tỉnh đã thành lập 1.871 Tổ Công nghệ số cộng đồng (cấp xã: 138, cấp thôn: 1.733) với tổng số thành viên là: 10.257 (cấp xã: 1.351, cấp thôn: 8.906). Tỷ lệ tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn trên địa bàn tỉnh đạt 100%. Các thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng đã được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số qua hình thức tập huấn trực tiếp và trực tuyến do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

Trong năm 2023, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp tổ chức 13 hội nghị tập huấn, hướng dẫn sử dụng App Tuyên Quang ID và hướng dẫn nghiệp vụ Kho dữ liệu công dân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang; sử dụng các nền tảng số;... qua hình thức trực tiếp và trực tuyến cho khoảng 12.200 đại biểu là các cán bộ, công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; thành viên Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh; các thành viên Tổ CNSCĐ cấp xã, cấp thôn; công chức Một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; công chức Phòng Văn hóa và Thông tin, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; cán bộ Tỉnh Đoàn thanh niên; người dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;...

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", trong tháng 12/2023, khoảng 770 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước ở cấp tỉnh, huyện, xã, các đơn vị khác có liên quan sẽ tham gia tập huấn bồi dưỡng chuyển đổi số năm 2023 do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức (online) trên nền tảng học trực tuyến OneTouch.

Trong năm 2023, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức 15 hội nghị cho trên 1.800 đại biểu là cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia vào các khâu, bước giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Công an tỉnh tổ chức 02 lớp tập huấn cho 291 cán bộ trực tiếp làm công tác số hoá hồ sơ, tài liệu của các đơn vị Công an toàn tỉnh; trên 200 cán bộ, chiến sĩ tại các đơn vị Công an toàn tỉnh tham gia lớp tập huấn công tác chuyển đổi số, dịch vụ công, số hoá hồ sơ, tài liệu và an toàn thông tin do Bộ Công an tổ chức.

Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị đã chủ động tổ chức các hội nghị tập huấn khác về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị mình.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Phần lớn cán bộ làm công tác tham mưu về CNTT, chuyển đổi số tại các cơ quan chỉ thực hiện nhiệm vụ phụ trách, kiêm nhiệm nên việc chủ động tham mưu triển khai xây dựng chính quyền số có việc chưa kịp thời, chất lượng chưa cao.

- Nhận thức về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số của một bộ phận đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có lúc chưa đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, nhất là ở cấp huyện, cấp xã; nguồn nhân lực có kiến thức về công nghệ thông tin ở cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu, kỹ năng ứng dụng công nghệ số của đại bộ phận người dân còn thấp.

7. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

Đến nay, có 36 hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị và của tỉnh đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

Tỉnh đã triển khai *Hoạt động giám sát an toàn ANTT 4 cấp cho các hệ thống dùng chung của tỉnh (SOC)* tại 29 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; *giải pháp phòng chống mã độc tập trung cho các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố* với khoảng 3.353 máy tính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống camera giám sát an ninh thông tin (ANTT) tiếp tục được triển khai, duy trì hoạt động trên 1.282 điểm camera từ 07 mô hình camera ANTT của Công an huyện, thành phố và các mô hình camera ANTT của xã phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (trong đó có một số camera AI (trí tuệ nhân tạo) nhận diện biển kiểm soát phương tiện giao thông được triển khai tại Công an huyện Sơn Dương, Hàm Yên) và được tích hợp về Trung tâm dữ liệu hình ảnh Trụ sở Công an tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Công an tỉnh và công tác nghiệp vụ của các đơn vị Công an). Công an tỉnh duy trì, vận hành có hiệu quả hệ thống giám sát tập trung mạng Bộ Công an (NOC), kịp thời phát hiện, xử lý, khắc phục các sự cố mạng.

b) Tồn tại, hạn chế:

Số lượng máy vi tính trong các cơ quan nhà nước (đặc biệt là ở cấp xã) cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền còn ít, chủ yếu là cài đặt các phần mềm diệt virus miễn phí, chưa đảm bảo hiệu quả trong việc đảm bảo an toàn thông tin.

8. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

* *Các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:* Các cơ quan tiếp tục sử dụng hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh⁴ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành từ cấp tỉnh tới cấp xã:

⁴ Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; ...

- Khoảng 135 cuộc họp được tổ chức trực tuyến từ trung ương hoặc từ tỉnh đến xã qua Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh.

- Khoảng 656.445 văn bản điện tử của các cơ quan, đơn vị được trao đổi qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (313.028 văn bản được gửi, 343.417 văn bản nhận trên hệ thống); khoảng 2.436 chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ đã được cấp cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để sử dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử. 100% công chức trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã được gắn định danh số trong xử lý công việc thông qua việc sử dụng các tài khoản trên Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành. Tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100% (trong đó, tỷ lệ văn bản trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt 99%; tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy đạt 01% (không bao gồm các văn bản mật)).

** Dịch vụ công trực tuyến:*

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã hoàn thiện kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân bảo đảm người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan hành chính nhà nước. Ngày 14/3/2023, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã có chức năng Kho dữ liệu công dân và đưa vào hoạt động; qua đó, người dân và doanh nghiệp khi đăng ký tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia sẽ có một không gian lưu trữ dữ liệu điện tử, giúp lưu giữ thông tin, dữ liệu điện tử liên quan đến giao dịch hành chính. Bên cạnh đó, hệ thống đã triển khai tính năng Trợ lý ảo iSee để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, cán bộ tham gia vào quá trình thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

Chữ ký số công cộng cũng đã được triển khai, tích hợp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp, hiện tại trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã được tích hợp chữ ký số công cộng của 02 nhà cung cấp là Vinaphone và Viettel, cấp miễn phí cho người dân sử dụng.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh cung cấp 1.844 thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Trong đó, số DVCTT toàn trình: 1.075 dịch vụ, đạt 58,29%; DVCTT một phần: 382 dịch vụ, đạt 20,72%; Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến: 387 dịch vụ; đạt 20,99%.

Từ ngày 15/12/2022 đến 12/12/2023:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận⁵ là 254.918 hồ sơ (trong đó, số lượng hồ sơ thực hiện DVCTT toàn trình là: 84.453 hồ sơ, đạt 33,12%; số lượng hồ sơ thực hiện DVCTT một phần là 156.630 hồ sơ, đạt 61,44%; số lượng hồ sơ thực hiện các Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến là 13.835 hồ sơ, đạt 5,44%); tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 50,5%.

- Tổng số hồ sơ giải quyết⁶ là 252.910 hồ sơ (trong đó: số lượng hồ sơ thực hiện DVCTT toàn trình là: 83.748 hồ sơ; số lượng hồ sơ thực hiện DVCTT một phần

⁵ Tiếp nhận qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Tuyên Quang và Hệ thống Dịch vụ việc làm của Cục Việc làm, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

⁶ Giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Tuyên Quang và Hệ thống Dịch vụ việc làm của Cục Việc làm, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

là 161.115 hồ sơ; số lượng hồ sơ thực hiện Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến là 8.047 hồ sơ); tỷ lệ giải quyết hồ sơ đạt 97%.

Số hồ sơ thực hiện DVCTT có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến qua Cổng thanh toán quốc gia là: 18.789 hồ sơ với tổng số tiền là: 1.357.063.500 đồng.

Theo thông kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trong năm 2023, tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của tỉnh đạt 93,32%.

b) Tôn tại, hạn chế:

- Việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong ban hành văn bản điện tử trên Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Tuyên Quang tại cấp xã vẫn còn trường hợp ký chữ ký trên bản giấy, quét văn bản và tải lên Hệ thống.

- Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến qua Cổng DVC Quốc gia đã có nhiều chuyên viên tích cực, tuy nhiên vẫn còn thấp so với tổng số hồ sơ giải quyết do phần lớn người dân chưa có thói quen sử dụng các DVCTT mà thường xuyên đến trực tiếp trụ sở cơ quan nhà nước giải quyết TTHC; tỷ lệ hồ sơ phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến chưa cao.

9. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được:

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025. Tỉnh Tuyên Quang đã đẩy mạnh triển khai các dịch vụ ngân hàng số, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng; phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại, tiện lợi, đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 01 kiosk ngân hàng số và 90 máy giao dịch tự động (ATM/CDM), trong đó có 05 CDM có nhiều chức năng đa dạng, trên 350 máy POS/mPOS, trên 30.000 QR code, Viet QR đang hoạt động; có trên 800 đơn vị hưởng lương ngân sách thực hiện trả lương qua tài khoản và có trên 650.000 tài khoản ngân hàng được mở tại các Ngân hàng đáp ứng tốt điều kiện để thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong dân cư; có khoảng 2.000 doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nộp thuế qua ngân hàng; 100% các huyện, thành phố đã triển khai thực hiện chi trả lương hưu qua ngân hàng cho các đối tượng thụ hưởng. Bên cạnh đó, các Ngân hàng thương mại đã kết nối cung cấp các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các phương thức, như: Chuyển khoản, POS, QR code,... để thu tiền điện, tiền nước, học phí, viện phí,... các ngân hàng trên địa bàn tỉnh đã triển khai ký kết cung cấp dịch vụ thanh toán học phí bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt bằng mã của học sinh và thanh toán qua App của Ngân hàng cho tổng cộng 232 trường (chiếm 50,1%); kết nối cung cấp các dịch vụ thanh toán tiền khám bệnh, chữa bệnh bằng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt như chuyển khoản, POS, QR code tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh và tuyến huyện (Vietinbank Tuyên Quang đã ký kết về triển khai QR-code động: 05 đơn vị, số tiền viện phí từ đầu năm 2023: 2,8 tỷ đồng).

Khoảng 272.555 tài khoản Mobile Money, ví điện tử (do VNPT, Viettel và MobiFone triển khai cung cấp dịch vụ) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh để khách hàng có thể thanh toán các giao dịch trực tuyến một cách dễ dàng, thuận tiện. Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhận hóa đơn điện tử với cơ quan thuế sử dụng nền tảng

công nghệ số đạt 100%.

Tỉnh đã triển khai hỗ trợ các giải pháp chăm sóc và quản trị khách hàng cho các doanh nghiệp; hỗ trợ các giải pháp bán hàng thông minh cho các cửa hàng bán lẻ trên địa bàn tỉnh;... nhằm thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Sàn Thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang hiện có 904 doanh nghiệp đăng ký tham gia với 2.456 sản phẩm về nông, lâm, thủy sản, dịch vụ du lịch, lữ hành,... phục vụ khách hàng trên toàn quốc. Có 128 sản phẩm của 124 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh được giới thiệu trên Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”.

Mô hình chợ 4.0 đã được triển khai tại các chợ: An Phú, Tam Cờ, Phan Thiết của thành phố Tuyên Quang; chợ Km39, chợ xã Thái Hòa, chợ xã Đức Ninh, chợ xã Bình Xa của huyện Hàm Yên; chợ trung tâm huyện Chiêm Hóa; chợ trung tâm thị trấn Na Hang.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Hiện nay, các ngân hàng còn nhiều khó khăn trong việc cung cấp dịch vụ đối với khách hàng trên môi trường số, như: Thẩm định, cấp tín dụng số, thẩm định tài sản bảo đảm số, thanh toán số,... do việc kết nối, sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thuế, bảo hiểm, đất đai,... chưa thực sự thông suốt, còn nhiều hạn chế trong việc xác thực thông tin.

- Các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh đã sẵn sàng thực hiện kết nối dịch vụ thanh toán học phí, viện phí bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt trên App của các ngân hàng. Tuy nhiên, các cơ sở giáo dục, trường học, bệnh viện hiện nay mới chỉ sử dụng hình thức chuyển khoản hoặc thanh toán qua QR-Code và POS do vấn đề kinh phí thuê dịch vụ qua bên trung gian còn cao.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

Tỉnh tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp dịch vụ mạng di động 4G/5G, đường truyền Internet tốc độ cao để thúc đẩy, tăng tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh của người dân; đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn toàn tỉnh.

Toàn tỉnh hiện có hơn 20 doanh nghiệp bưu chính, chuyên phát hoạt động theo nhiều mô hình khác nhau. Có 314 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, chuyên phát trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì hoạt động phục vụ người dân và doanh nghiệp. 100% các xã có thư báo đến trong ngày.

Tỉnh đã triển khai các kênh tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị, phản ánh hiện trường của người dân trên nhiều lĩnh vực và qua nhiều hình thức trực tuyến như: Ứng dụng Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh, và Trang ZaloOA "Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang";... góp phần thúc đẩy sự tham gia của người dân trong việc giải quyết các vấn đề của địa phương. Theo thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trong năm 2023 tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh kiến nghị của tỉnh đạt 90%, tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của tỉnh

đạt 93,44%, điểm đánh giá đạt 17,3/18 điểm.

Toàn tỉnh hiện có 167/167 cơ sở khám chữa bệnh đã được trang bị đầu đọc thẻ để triển khai sử dụng CCCD gắn chip phục vụ khám chữa bệnh BHYT, đạt tỷ lệ 100%. Bên cạnh đó Công an tỉnh tiếp tục chủ trì hướng dẫn các cơ sở lưu trú thực hiện khai báo lưu trú qua Phần mềm quản lý cơ sở lưu trú ASM của Bộ Công an (hiện đã có 340 cơ sở lưu trú trên địa bàn được cấp tài khoản).

Thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng thụ hưởng bằng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã chủ trì, đôn đốc lập danh sách các đối tượng đăng ký nhận trợ cấp qua tài khoản thanh toán và tiến hành chi trả cho các đối tượng trong diện chi trả từ tháng 9/2023. Đến tháng 11/2023, toàn tỉnh đã có 1.259 lượt đối tượng an sinh xã hội (trong đó người có công: 236 người; bảo trợ xã hội: 1.023 người) nhận trợ cấp không dùng tiền mặt, với tổng số tiền trên 810 triệu đồng.

Tỉnh đã triển khai thanh toán viện phí theo hình thức không dùng tiền mặt tại các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn tỉnh.

Đến nay, toàn tỉnh có hơn 90% cơ sở giáo dục thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt, trong đó khối các trường trung học phổ thông, trung tâm GDNN-GDTX huyện, thành phố đạt 100%; khối các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt trên 73%. Thanh toán các khoản dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt khối các trường trung học phổ thông, trung tâm GDNN-GDTX huyện, thành phố đạt 100%, khối các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt trên 70%.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Nhiều khu dân cư ở xa trung tâm xã, chưa có điện lưới; xa trạm thu phát sóng, vị trí địa lý với nhiều dãy núi đá cao gây nên tình trạng sóng chưa ổn định.

- Do điều kiện kinh tế một số xã vùng sâu, vùng xa còn khó khăn, người dân chưa đủ điều kiện trang bị thiết bị; việc tiếp cận công nghệ thông tin còn hạn chế; kỹ năng số chưa cao; số lượng người dùng các nền tảng số còn thấp; đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng còn chưa được quan tâm;...

11. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023: 96.624,538 triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp: 71.695,050 triệu đồng.
- Nguồn kinh phí đầu tư: 7.093,916 triệu đồng.
- Nguồn kinh phí xã hội hóa: 10.210 triệu đồng.
- Nguồn kinh phí khác: 7.625,572 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 01)

Phần II**NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024****I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang, phiên bản 2.0; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022 thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 17/01/2023 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022 về thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 27/4/2022 hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 19/5/2022 triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 19/5/2022 thực hiện Đề án "Nâng

cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 26/5/2022 ban hành Kế hoạch chuyển đổi IPv6 trong các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 12/8/2022 phát động Phong trào thi đua “Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 22/8/2023 triển khai chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Văn bản số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh.

II. MỤC TIÊU

Cụ thể hóa việc tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả, đạt mục tiêu Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 làm căn cứ, cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Từng bước nâng thứ hạng chuyển đổi số của tỉnh trên bảng xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI); phấn đấu xếp hạng Chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2024 đạt 35/63 tỉnh, thành trên cả nước.

1. Chính quyền số

- Tối thiểu 85% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) một phần và DVCTT toàn trình và được cung cấp, sử dụng trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT một phần và DVCTT toàn trình trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%.

- Tối thiểu 90% các dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình và DVCTT một phần có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (đủ điều kiện thực hiện thanh toán trực tuyến) được triển khai thanh toán trực tuyến; phấn đấu tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 35% trở lên.

- Phấn đấu hoàn thành số hóa 100% kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng lại thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- 100% DCVTT được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc; tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tối thiểu 80% các sở, ban, ngành, huyện, thành phố tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; 100% cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung của tỉnh; phấn đấu 80% cơ sở dữ liệu dùng chung và 60% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh, thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan Nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất; phần đầu 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định).

- Tối thiểu 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 70% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 50% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước); phần đầu 40% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

2. Kinh tế số

Phần đầu thực hiện các chỉ tiêu:

- Tỷ trọng kinh tế số chiếm 18% GRDP của tỉnh (Tổng sản phẩm trên địa bàn);
- Năng suất lao động tăng bình quân từ 6%/năm;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 8% trở lên;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 8% trở lên;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 35% trở lên;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 55%.

3. Xã hội số

Phần đầu thực hiện các chỉ tiêu:

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 85%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt 80% trở lên;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 60% trở lên;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 50% trở lên;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản đạt 75% trở lên;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 90%; tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 85%;
- Phần đầu triển khai hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đạt 85% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, phát triển mạng 5G trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ

1. Chính quyền số

- Thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ của mạng truyền số liệu chuyên dùng tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; đảm bảo kết nối, kết nối thông suốt bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã phục vụ Chính quyền số.
- Đẩy mạnh việc kết nối, trao đổi dữ liệu và mở dữ liệu; tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn chuyên ngành của từng ngành, địa phương.
- Tiếp tục phát triển và khai thác hiệu quả Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) để phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước ngày càng cao.
- Đưa vào sử dụng hiệu quả Phần mềm số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang, phục vụ công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; thường xuyên rà soát, cung cấp DVCTT theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.
- Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các cơ quan nhà nước trong tỉnh.
- Đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống thư điện tử công vụ;...

2. Kinh tế số

- Tiếp tục ưu tiên phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực của tỉnh, như: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và Logistics, Tài chính - Ngân hàng, Du lịch;...
- Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh biết và sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa; tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.
- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.
- Tiếp tục đẩy mạnh thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt. Tập trung đẩy mạnh việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trong giải quyết TTHC đến cấp xã; triển khai thanh toán trực tuyến đối với các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, y tế, giáo dục,... Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân (Viettel Money, VNPT Money,...).
- Tiếp tục phát triển thương mại điện tử của tỉnh thông qua chuỗi giá trị, hình thành chuỗi cung ứng, trong đó có sự tham gia của các doanh nghiệp, các cơ sở sản

xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh với các cơ sở sản xuất, phân phối và các kênh thương mại, các công ty thương mại điện tử trên phạm vi cả nước và quốc tế.

3. Xã hội số

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, tích cực triển khai "đi từng ngõ, gõ từng nhà", hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tiếp tục triển khai các chương trình làm thẻ, ví điện tử cho người dân; phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông để triển khai dịch vụ Mobile Money, phát triển điểm kinh doanh và đơn vị chấp nhận thanh toán để người dân có thể nạp, rút, chuyển tiền và thanh toán bằng tài khoản Mobile Money mà không cần có tài khoản ngân hàng; có các chính sách ưu đãi cho người dân khi sử dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt;... phấn đấu mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số.

- Từng bước triển khai phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân; phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân, phấn đấu mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân.

- Triển khai, hướng dẫn cho người dân bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản, không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số.

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số trong trường học, ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030".

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số trong các bệnh viện, như: Ứng dụng các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt;...

4. Nhận thức số

- Tổ chức và triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

- Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số trên chuyên trang về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang tại địa chỉ: <http://chuyendoiso.tuyenquang.gov.vn/> và của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cẩm nang Chuyển đổi số: <https://dx.mic.gov.vn>; Bài học Chuyển đổi số: <https://t63.mic.gov.vn>; Bài toán Chuyển đổi số: <https://c63.mic.gov.vn>).

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng Kênh Zalo "Chuyển đổi số quốc gia", "Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang" và ứng dụng "Tuyên Quang ID" trên điện thoại thông minh để cập nhật kịp thời các thông tin mới nhất về chuyển đổi số.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan nhà nước và người dân trên địa bàn tỉnh.

5. Thể chế số

Căn cứ tình hình thực tế của tỉnh, tiếp tục triển khai xây dựng, thực hiện các chính sách về chuyển đổi số theo hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ban, ngành trung ương, làm căn cứ triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính phủ số.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử.

6. Hạ tầng số

- Chỉ đạo các doanh nghiệp triển khai cáp quang Internet tới thôn, xã, phường, thị trấn. Cung cấp và nâng cao chất lượng đường truyền Internet đến các cơ quan trong hệ thống chính trị; tăng tỷ lệ phủ sóng thông tin di động; triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới; thực hiện rà soát các vùng sóng không ổn định, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động.

- Triển khai các chương trình hỗ trợ phần đầu mỗi hộ gia đình có một thiết bị thông minh; đề xuất sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hỗ trợ đối với các gia đình thuộc đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo mà chưa có điện thoại thông minh.

- Triển khai duy trì và kết hợp có hiệu quả mạng Truyền số liệu chuyên dùng và mạng Internet, đảm bảo hạ tầng triển khai các ứng dụng CNTT của tỉnh; duy trì hoạt động ổn định, hiệu quả Nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu (LGSP) của tỉnh phục vụ tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Triển khai mạng diện rộng (WAN) của tỉnh để kết nối các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh phục vụ triển khai các hệ thống, phần mềm dùng chung của tỉnh.

- Thực hiện theo lộ trình chuyển đổi IPv4 sang IPv6 cho mạng truyền số liệu chuyên dùng để phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh Tuyên Quang đáp ứng các yêu cầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh.

- Tiếp tục nâng cấp hệ thống truyền thanh không dây FM sang Hệ thống Truyền thanh thông minh các huyện, thành phố đảm bảo đồng bộ kết nối với hệ thống thông tin nguồn truyền thanh của tỉnh.

7. Dữ liệu số

- Đẩy mạnh sử dụng các hệ thống dùng chung của tỉnh, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành triển khai từ Trung ương tới địa phương phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục duy trì, kết nối các dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và Nền tảng trao đổi dữ liệu quốc gia (VDXP) qua nền tảng LGSP của tỉnh;... phục vụ phát triển dữ liệu số của tỉnh.

- Rà soát, cập nhật Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang; Danh mục dữ liệu mở và kế hoạch triển khai cung cấp dữ liệu mở tỉnh Tuyên Quang;... làm cơ sở để kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh và cung cấp dữ liệu mở của chính quyền tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Đưa vào sử dụng Cổng cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang, là điểm đầu mối truy cập thông tin, dữ liệu trên mạng Internet phục vụ việc công bố dữ liệu mở, cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước; cung cấp các tài liệu, dịch vụ, công cụ, ứng dụng xử lý, khai thác dữ liệu được công bố bởi các cơ quan nhà nước;... phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

8. Nền tảng số

- Tiếp tục duy trì, sử dụng các nền tảng, hệ thống dùng chung của tỉnh, như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống hội nghị hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống thông tin báo cáo; Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP); Hệ thống thư điện tử công vụ;...

- Hoàn thành: Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu để đảm bảo dung lượng lưu trữ dữ liệu cho các kho CSDL dùng chung của tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương; nền tảng phần mềm và kho dữ liệu chuyên ngành cấp huyện, kết nối vào kho dữ liệu dùng chung và các kho dữ liệu chuyên ngành tỉnh; kho dữ liệu từng ngành và tạo lập kết nối các dữ liệu chuyên ngành trên toàn tỉnh (kho dữ liệu lớn của tỉnh);...

- Tiếp tục đưa vào sử dụng các nền tảng, ứng dụng mới phục vụ người dân, trong đó quan tâm nghiên cứu đưa vào sử dụng các công nghệ nền tảng phục vụ việc giao tiếp, tương tác hai chiều giữa người dân và cơ quan nhà nước trên thiết bị di động.

- Lựa chọn các nền tảng số quốc gia, các nền tảng số phục vụ người dân để ưu tiên thúc đẩy trên địa bàn tỉnh; tiếp tục rà soát, nâng cấp, cập nhật tính năng mới, tuyên truyền tới các tổ chức và người dân, việc tăng cường sử dụng các nền tảng số đã được triển khai; sử dụng lực lượng Tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn người dân sử dụng.

9. Nhân lực số

Thực hiện các nhiệm vụ để bảo đảm nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng, như:

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số, trong đó ưu tiên hình thức bồi dưỡng trực tuyến qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs), tại địa chỉ <https://tuyenquang.mobiedu.vn/>.

- Tham gia và tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn trực tiếp, trực tuyến do cơ quan Trung ương triển khai về CNTT, chuyển đổi số.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với cơ chế thu hút, đãi ngộ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho các cấp, các ngành.

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên hướng dẫn người dân biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến; biết mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; biết thanh toán không dùng tiền mặt; biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống (y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du lịch, đọc sách, giải trí, ...); biết áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

10. An toàn thông tin mạng

Thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng bao gồm các hoạt động như:

- Tiếp tục hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Triển khai Hoạt động giám sát an toàn an ninh thông tin 4 cấp cho các hệ thống dùng chung của tỉnh (SOC) tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; giải pháp phòng chống mã độc tập trung cho các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông số nhằm tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền cảm hứng, chuyển đổi nhận thức trong toàn xã hội về chuyển đổi số, như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Tuyên Quang online; Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử; chuyên trang về chuyển đổi số tỉnh; Trạm truyền thanh cơ sở; Trang ZaloOA “Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang”; trên các trang mạng xã hội;...

- Tổ chức các Hội nghị bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ công chức, viên chức và người dân thông qua nền tảng đào tạo đại trà theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tiếp tục phổ biến, hướng dẫn người dân sử dụng hiệu quả Ứng dụng Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang (App Tuyên Quang ID) để thúc đẩy sự tham gia của người dân, doanh nghiệp trong công tác giám sát cũng như xây dựng và phát triển tỉnh Tuyên Quang; tăng cường mối quan hệ, liên kết và thu hẹp khoảng cách giữa chính quyền các cấp với người dân, doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn tỉnh.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Tiếp tục đẩy mạnh chương trình hợp tác về chuyển đổi số đã được ký giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các Tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin để phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin phát triển hạ tầng số, phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh một cách toàn diện trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Triển khai các giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số để khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội; hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn tỉnh, như: Điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo,...

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động chính quyền số, hỗ trợ người dân khai thác dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện;...

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Sử dụng nguồn ngân sách trung ương được đầu tư triển khai hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT thông qua các dự án trọng điểm quốc gia và theo ngành dọc; tranh thủ nguồn lực Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình viễn thông công ích để phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- Cân đối bố trí ngân sách của tỉnh cho các Chương trình, Kế hoạch, Dự án ứng dụng CNTT trọng tâm, trọng điểm đã được phê duyệt.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp. Tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin để phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ chuyển đổi số, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Tăng cường hợp tác về chuyển đổi số

- Đẩy mạnh thu hút hợp tác về khoa học, công nghệ với các đối tác, đặc biệt là các tập đoàn viễn thông và công nghệ lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nền

tăng số; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; hợp tác chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.

- Lồng ghép các nội dung về liên kết, thu hút hợp tác, đầu tư về khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, đẩy mạnh thu hút nguồn lực, chuyển giao công nghệ góp phần phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất công nghệ thông tin.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách phát triển mô hình Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Nguồn ngân sách Nhà nước năm 2024, giai đoạn 2023-2025; ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách, lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 là: **230.177,722 triệu đồng.**

Trong đó:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp: 194.986,105 triệu đồng.
- Nguồn kinh phí đầu tư: 18.155,990 triệu đồng.
- Nguồn kinh phí xã hội hóa: 13.222 triệu đồng.
- Nguồn kinh phí khác: 3.813,627 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 02).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nội dung Kế hoạch này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan duy trì hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; ưu tiên đầu tư, triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục hành chính.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện.

Chỉ đạo Tổ giúp việc chuyển đổi số của tỉnh tham mưu Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính lập dự toán kinh phí về chuyển đổi số, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, đúng quy định.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các chương trình, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số; phát triển giao dịch điện tử, chương trình phát triển hạ tầng viễn thông và Internet; sơ kết đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm và tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vào năm kết thúc.

Tiếp tục triển khai, thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các ứng dụng dùng chung, chuyên ngành, các HTTT trong nội bộ tỉnh thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh (LGSP); triển khai kết nối với hệ thống kết nối quốc gia (NGSP); thực hiện liên thông các HTTT giữa các Bộ, ngành.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, vận hành, khai thác và sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin (Trung tâm điều hành thông minh IOC, Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, ...) phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 68/NQ-HĐND ngày 20/12/2021, hằng năm tham mưu bố trí kinh phí cho các công trình, dự án đảm bảo theo đúng quy định.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký thành lập doanh nghiệp công nghệ số. Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp công nghệ số trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền cân đối, phân bổ kinh phí từ ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các dự án về chuyển đổi số đảm bảo đúng tiến độ, quy định.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển dịch vụ đô thị thông minh;... theo phân cấp ngân sách thuộc nội dung Kế hoạch.

Hướng dẫn, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự toán kinh phí theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch theo phân cấp về quản lý ngân sách nhà nước trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách địa phương, ưu tiên bố trí kinh phí theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

6. Sở Nội vụ

Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn tỉnh. Tham mưu khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến về chuyển đổi số, đặc biệt đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, các doanh nghiệp, cá nhân có thành tích nổi bật, xuất sắc trong triển khai chuyển đổi số của ngành, đơn vị, địa phương.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính,

xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan bổ sung các nội dung về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, chính quyền điện tử nhằm nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về chính quyền số, chính quyền điện tử cho các cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh;... lồng ghép trong Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ số liên tục thay đổi và phát triển; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đổi mới phương pháp giáo dục trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo trên nền tảng số; triển khai các nền tảng dạy học trực tuyến và từng bước phát triển kho tài nguyên giáo dục số; tổ chức bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của ngành.

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030", phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan, đơn vị liên quan trong việc đề xuất, thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ phục vụ chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

9. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Bệnh viện thông minh, Bệnh án điện tử, chuyển đổi số tại các đơn vị Bệnh viện tuyến tỉnh, các bệnh viện khu vực, TTYT các huyện, thành phố theo lộ trình thực hiện Thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế Quy định hồ sơ bệnh án điện tử; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực y tế.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tiếp tục triển khai hệ thống xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Tuyên Quang phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh, nâng cao khả năng tiếp cận và khai thác thông tin cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khi có nhu cầu, đồng thời làm nền tảng để tích hợp, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; rút ngắn thời gian thực

hiện giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, khai thác giá đất trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, Thể thao và du lịch, như:

Tiếp tục triển khai Đề án “Xây dựng hệ thống Du lịch thông minh tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2019 - 2020, tầm nhìn đến 2025”.

Nâng cao hiệu quả công tác quảng bá, thu hút du khách và tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch.

Xây dựng triển khai Thư viện số tỉnh Tuyên Quang nhằm hiện đại hóa công tác quản lý thư viện hướng tới mục tiêu thư viện số, nâng cao khả năng phục vụ, quản lý và khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên hiện có tại Thư viện tỉnh;...

12. Sở Tư pháp

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch, góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử. Đáp ứng tốt yêu cầu đăng ký, quản lý hộ tịch theo Luật Hộ tịch và giải quyết thủ tục hành chính trong đăng ký hộ tịch trực tuyến, có khả năng kết nối để cung cấp thông tin hộ tịch cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan toàn bộ hộ tịch đã được đăng ký. Đảm bảo số liệu trong sổ hộ tịch giấy lưu trữ tại Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã được cập nhật, số hóa vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

13. Các sở, ban, ngành (Thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh); đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Người đứng đầu cơ quan, Thủ trưởng các đơn vị quan tâm, quyết liệt chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, đặc biệt gắn việc ứng dụng công nghệ thông tin với thực hiện cải cách hành chính.

Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả và đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được giao cho cơ quan, đơn vị tại **Phụ lục 02 Kế hoạch này**; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

Lồng ghép, cập nhật nội dung, nhiệm vụ các Chương trình, Kế hoạch, Đề án chuyển đổi số của Bộ ngành chủ quản với nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

Chủ động tổ chức các cuộc họp giao ban trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh.

Căn cứ Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình quản lý về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; thực hiện cung cấp dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu dùng chung tỉnh theo Danh mục dữ liệu mở

và kế hoạch triển khai cung cấp dữ liệu mở được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;... phục vụ chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan khác khai thác, sử dụng.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu qua trục LGSP; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nền tảng phần mềm và kho dữ liệu chuyên ngành cấp huyện, thành phố, kết nối vào kho dữ liệu dùng chung và các kho dữ liệu chuyên ngành tỉnh Tuyên Quang nhằm chia sẻ dữ liệu nghiệp vụ giữa các cơ quan, phòng ban thuộc huyện, thành phố, đồng thời đóng góp dữ liệu chuyên ngành của huyện, thành phố vào kho dữ liệu của các sở, ban, ngành liên quan và đóng góp vào kho dữ liệu chung của tỉnh; dựa trên nền tảng nghiệp vụ chuyên ngành, việc tạo lập cơ sở dữ liệu theo 12 lĩnh vực quản lý chuyên ngành cấp huyện, thành phố mỗi địa phương đều có thể phát triển mở rộng thêm tính năng, nghiệp vụ, dữ liệu, hệ thống báo cáo phân tích và phần mềm quản lý chuyên ngành phù hợp với công tác quản lý của từng địa phương, nhưng vẫn đảm bảo kiến trúc chung của nền tảng nghiệp vụ và cơ sở dữ liệu chung toàn tỉnh.

Xây dựng, triển khai thực hiện các nội dung tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin, gắn kết chặt chẽ công nghệ thông tin với cải cách hành chính, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch (qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp): báo cáo Quý I (trước ngày 15/3/2024), báo cáo 6 tháng (trước ngày 15/6/2024), báo cáo quý III (trước ngày 15/9/2024), báo cáo năm 2024 (trước ngày 10/12 /2024); thực hiện các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh

Phối hợp với chính quyền, ngành chức năng và các tổ chức thành viên tuyên truyền vận động, đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

15. Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh

Đẩy mạnh tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình phát thanh, truyền hình.

Phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh các mô hình, tấm gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024

(Chi tiết tại Phụ lục 02)

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2024. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh; tổ chức CT-XH nghề nghiệp;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Báo Tuyên Quang, Đài PTTH tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TG CNTT 02.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương